

ĐỀ ÁN
Về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021-2025

I- ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Kết quả thực hiện

Huyện Hoàng Su Phì có tổng diện tích tự nhiên là 63.238,06 ha, trong đó diện tích đất có rừng đến năm 2020 là 33.903,8 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,6%. Trong 5 năm qua từ năm 2016 - 2020, được sự hỗ trợ lồng ghép các nguồn vốn từ Trung ương, tỉnh đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cụ thể như sau: Tổng diện tích bảo vệ rừng được Nhà nước chi trả kinh phí là 63.271,2 ha¹, trồng rừng 1.119,4 ha², chăm sóc rừng là 2.061 ha³. Hỗ trợ gạo trên 3.260 tấn cho công tác bảo vệ rừng và chi trả kinh phí dịch vụ môi trường rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư trên 25,7 tỷ đồng. Giao rừng cho tổ chức với tổng diện tích là 6.910,31 ha, trong đó gia cho Ban Quản lý rừng phòng hộ 6.642 ha; Biên phòng quản lý tại các xã biên giới với diện tích 268,31 ha.

2. Tồn tại, hạn chế

- Diện tích rừng trồng ngày càng suy giảm cả về số lượng và chất lượng rừng do người dân lấn chiếm làm nương rẫy, nhất là đối với diện tích rừng thông. Diện tích trồng rừng mới hàng năm số lượng còn hạn chế, đặc biệt là đối với trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán, chưa đáp ứng được nhu cầu trồng rừng và tiêu thụ sản phẩm chế biến gỗ của nhân dân.

- Quỹ đất trồng rừng thuộc quy hoạch phòng hộ diện tích không tập trung, giao thông đi lại khó khăn, có nơi thuộc quy hoạch phòng hộ không có rừng nhưng nhân dân tự khai hoang làm nương rẫy và làm lán trại để chăn nuôi gia súc, vì vậy hạn chế việc mở rộng diện tích trồng rừng phòng hộ.

- Khoanh nuôi tái sinh rừng, cải tạo rừng nghèo kiệt hàng năm chưa

¹. Trong đó: Năm 2016: 12.858,3 ha; năm 2017: 14.810,3 ha; năm 2018: 13.660,3 ha; năm 2019: 13.449,8 ha; năm 2020: 8.492,5 ha; Diện tích do cộng đồng thôn bản tự bảo vệ bình quân hàng năm đạt 18.000 - 20.000 ha. Diện tích do nhân dân tự tổ chức khoanh nuôi bảo vệ theo hướng ước của thôn, xã đạt 3.000 ha.

². Trong đó: Năm 2016 trồng rừng phòng hộ: 50,0ha; trồng rừng phân tán: 300,0ha; năm 2017: 100,0ha; trồng rừng phân tán: 281,0ha; năm 2018 trồng rừng sản xuất: 80,0ha; năm 2020 trồng rừng sản xuất: 24 ha; trồng rừng khoảng trồng rừng thông: 52,4ha; trồng rừng phân tán: 232 ha.

³. Trong đó: năm 2016: 1.094,7ha; năm 2017: 231,2ha; năm 2018: 241,2ha; năm 2019: 243,8ha; năm 2020: 250,0ha.

được mở rộng diện tích và hỗ trợ vốn đầu tư của nhà nước. Hiện nay trên địa bàn huyện diện tích rừng đưa vào khoanh nuôi, bảo vệ có trồng bổ sung khá nhiều nhưng diện tích manh mún. Do vậy rất khó quy hoạch thành vùng liên khu cụ thể để lập hồ sơ khoanh nuôi súc tiến tái sinh có trồng bổ sung cho địa phương để hưởng các chế độ hỗ trợ phát triển lâm nghiệp của nhà nước.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng gặp nhiều khó khăn, việc kiểm tra giám sát, bám nắm địa bàn về quản lý bảo vệ rừng có lúc chưa được thường xuyên. Công tác phối hợp giữa các ngành, đoàn thể, các lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở chưa chặt chẽ; Việc tuần tra phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ rừng và quản lý lâm sản chưa kịp thời, nhất là đối với các diện tích rừng thông.

3. Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế

- Địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, thường xảy ra rét đậm, rét hại, khô hanh vào mùa đông, mưa lớn gây sạt lở đất trong mùa mưa, dẫn đến thiệt hại diện tích rừng...

- Nguồn vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng của nhà nước trong những năm qua còn hạn chế (bao gồm: trồng rừng mới, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng, cải tạo rừng), chủ yếu là nguồn vốn của Trung ương, chưa đáp ứng được nhu cầu bảo vệ và trồng rừng của nhân dân.

- Một số cấp uỷ đảng, chính quyền còn thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về quản lý, bảo vệ rừng; sự phối hợp công tác xác minh, kiểm tra, phối hợp xử lý các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng còn hạn chế, thiếu kiên quyết, triệt để, không đủ sức răn đe. Tình trạng nể nang, né tránh tạo tiền lệ cho các đối tượng vi phạm, kéo dài...

II- SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

Trong những năm qua, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, lực lượng chức năng triển khai quyết liệt, đồng bộ, thường xuyên, liên tục các giải pháp và huy động cả hệ thống chính trị từ huyện đến các thôn, bản cùng nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng.

Chỉ đạo triển khai một số giải pháp đột phá, mang lại hiệu quả khá rõ nét, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện. Qua đó, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, các vụ vi phạm đều được phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, ngăn chặn các vụ khai thác, mua bán, vận chuyển và lấn rừng làm nương rẫy trái pháp luật, góp phần bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng bền vững. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm, xâm hại tài nguyên rừng vẫn xảy ra như: khai thác, vận chuyển, lấn chiếm

rừng thông vẫn còn diễn ra.

Xuất phát từ thực tế trên, việc xây dựng Đề án “*quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021 - 2025*” có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên rừng, góp phần tăng thu nhập cho người dân, hạn chế ảnh hưởng của thiên tai, bảo vệ môi trường, thực hiện hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2025.

2. Căn cứ xây dựng Đề án

Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng;

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15/11/2017 và Nghị định 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP, ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP.

Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc Hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Quyết định số 302/QĐ-SNN, ngày 25/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang, phê duyệt nội dung cảm nang: Trách nhiệm quản lý Nhà nước về Lâm nghiệp của UBND cấp xã; Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp của Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 24/7/2020 Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Chương trình số 01-CTr/HU ngày 29/7/2020 của Huyện ủy Hoàng Su Phì về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện khóa XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

III- MỤC TIÊU

1. Bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng hiện có trên địa bàn huyện, phát triển rừng, khoanh nuôi súc tiến tái sinh có trồng bổ sung. Đến năm 2025, diện tích rừng đạt 36.050 ha, tăng 2.000 ha so với năm 2020, nâng tỷ lệ che phủ rừng toàn huyện đạt 57%.

2. Trồng rừng mới ít nhất 1.400 ha, *trong đó*: trồng rừng tập trung 300 ha, trồng cây phân tán 1.100 ha. Chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 1.000 ha.

3. Khoanh nuôi súc tiến tái sinh có trồng bổ sung: Quy hoạch các diện

tích đất rừng nghèo kiệt, trảng cỏ, cây bụi, đất nương rẫy (trạng thái Ib, Ic) để khoanh nuôi, súc tiến tái sinh có trồng bổ sung với diện tích 2.000 ha (do nhân dân tự khoanh nuôi, bảo vệ, trồng bổ sung theo hương ước bảo vệ rừng của thôn, xã).

4. Trồng dặm bổ sung các diện tích rừng bị mất khoảng, các diện tích nương rẫy bị lấn chiếm. Tuyên truyền, ký cam kết với người dân không lấn chiếm trái phép rừng, đất rừng làm nương rẫy. Xử lý nghiêm các hộ vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Rà soát, duy trì, bổ sung các diện tích được hỗ trợ chi trả dịch vụ môi trường rừng và đề xuất hỗ trợ gạo bảo vệ rừng hàng năm đạt trên 31.000 ha.

6. Liên doanh, liên kết Phát triển dược liệu và du lịch dưới tán rừng nhằm tăng thu nhập cho người trồng rừng, đồng thời tăng cường công tác bảo vệ rừng cũng như trồng rừng tại các khu vực phát triển dược liệu, du lịch.

7. Lập các ô tiêu chuẩn điều tra sâu bệnh hại rừng; Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp hàng năm tại các xã, thị trấn.

8. Rà soát các diện tích để cấp chứng chỉ rừng bền vững cho các tổ chức, cá nhân được giao rừng.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh, chỉ đạo

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng thành các chương trình hành động, kế hoạch của các chi bộ, đảng bộ làm cơ sở triển khai thực hiện. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về lâm nghiệp, chú trọng xây dựng các dự án, kế hoạch nhà nước giao hàng năm về các chỉ tiêu bảo vệ rừng, trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, khai thác chế biến lâm sản.

- Hệ thống chính trị của huyện tích cực, chủ động hơn trong chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân trong triển khai kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm; đẩy mạnh áp dụng những mô hình và cách làm hiệu quả trong sản xuất lâm nghiệp. Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá sơ kết, tổng kết trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về giá trị kinh tế, xã hội, môi trường rừng. Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2. Công tác tổ chức quản lý

- Thành lập các tổ đội tuần tra bảo vệ rừng tại thôn bản và các tổ đội chuyên trách bảo vệ đối với diện tích rừng đã giao cho tổ chức; Tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho các tổ đội tuần tra nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm lâm luật như: chặt phá rừng, lấn chiếm rừng, đất rừng làm nương rẫy trái phép.

- Tiếp tục xây dựng quy ước, hương ước bảo vệ rừng tại các thôn bản nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng cho người dân.

- Tăng cường công tác quản lý lâm sản, thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hộ khai thác, chế biến theo đúng quy định của Nhà nước về chế biến kinh doanh lâm sản.

3. Giải pháp về quy hoạch sản xuất

- Tích cực đẩy nhanh trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc; Thực hiện công tác cải tạo, chuyển đổi vườn đồi tạp sang trồng rừng kinh tế; Trồng rừng sau khai thác.

- Đẩy mạnh liên kết trong sản xuất tạo ra chuỗi giá trị từ sản xuất, khai thác, chế biến kinh doanh rừng; Tạo liên kết, hợp tác bền vững trong sản xuất bảo vệ và phát triển rừng giữa người dân với người dân, giữa người dân với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. Khuyến khích các hình thức liên doanh (đầu tư, bảo hộ, bao tiêu sản phẩm) giữa cơ sở chế biến với người trồng rừng thông qua hình thức giao rừng cho tổ chức, cá nhân.

- Quy hoạch cụ thể các vùng sản xuất theo quy hoạch 3 loại rừng để xác định rõ vùng trồng rừng sản xuất, vùng trồng phòng hộ, trồng chống sạt lở, vùng lồng ghép phát triển dược liệu, du lịch dưới tán rừng.

- Xây dựng các mô hình trồng rừng kinh tế trên địa bàn các xã, thị trấn, đánh giá kết quả và nhân rộng.

4. Giải pháp về giống

Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch trồng rừng hàng năm, trong đó phát huy tối đa “*vườn ươm giống cây lâm nghiệp màu xanh chung tay*” trên địa bàn các xã, thị trấn; Lựa chọn giống tốt cho trồng rừng, trong đó phân từng loại cây trồng cho từng mục đích khác nhau như:

- Trồng rừng sản xuất: trồng cây có giá trị kinh tế, chu kỳ sinh trưởng ngắn như Xoan ta, Mỡ, Quế...

- Trồng phủ xanh đất trống đồi trọc trồng giống cây địa phương như Xa mộc, Tống quá sủ, Cáng lồ...

- Các khu vực có nguy cơ sạt lở, đầu nguồn nước trồng tre, vầu, chuối...

- Chủ động chuẩn bị tốt khâu giống, hiện trường và nhân lực để trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán đúng quy trình kỹ thuật.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ, khuyến lâm

- Thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, cụ thể hóa triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả trên địa bàn huyện, tăng cường giám sát việc áp dụng các biện pháp lâm sinh trong việc trồng mới, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng đưa các loại giống cây lâm nghiệp có giá trị

kinh tế cao, phù hợp điều kiện sinh thái của địa phương vào trồng rừng sản xuất. Tổ chức sản xuất lâm nghiệp; mô hình quản lý bảo vệ rừng bền vững;

- Xây dựng rừng cung cấp lâm sản ngoài gỗ, đa tác dụng; chú trọng làm tốt công tác quản lý bảo vệ, phát triển nuôi trồng dược liệu, du lịch dưới tán rừng, phát triển trồng cỏ chăn nuôi dưới tán rừng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến lâm, hướng dẫn trực tiếp đến chủ rừng để người dân nắm rõ về lợi ích của giống tốt, kỹ thuật thâm canh đối với kinh doanh rừng trồng. Xây dựng mô hình trình diễn và vận động nhân dân áp dụng thâm canh rừng trồng.

6. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Thực hiện chính sách giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng cho các tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình.

- Công khai minh bạch các cơ chế, chính sách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính thu hút người dân, các nhà đầu tư, các tổ chức tham gia bảo vệ phát triển rừng, chế biến lâm sản.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế về xã hội hóa đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng, chuyên hướng đầu tư để thúc đẩy sản xuất; Kiểm soát đánh giá chất lượng giao khoán hàng năm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, hộ gia đình được giao khoán bảo vệ rừng được khai thác gỗ và tái tạo rừng mới (rừng thuộc quy hoạch sản xuất). Khai thác lâm sản ngoài gỗ (tre, nứa, vầu, cây dược liệu) nhưng phải đảm bảo diện tích và độ che phủ của rừng, sản lượng khai thác không vượt quá 30% tổng trữ lượng rừng tre, vầu.

- Kiểm soát tốt các cơ sở chế biến gỗ trên toàn huyện gắn với việc hỗ trợ cho doanh nghiệp chế biến lâm sản, tiêu thụ sản phẩm với phát triển, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung.

7. Giải pháp về vốn

- Huy động và lồng ghép các nguồn vốn thuộc chương trình, kế hoạch, dự án trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng của Nhà nước; Các nguồn vốn xã hội hóa như: Dịch vụ môi trường rừng, vốn doanh nghiệp, tái đầu tư trồng rừng sau khai thác và kêu gọi các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo vệ và phát triển rừng.

8. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề khuyến lâm cho chủ rừng để nâng cao trình độ kiến thức trong sản xuất nghề rừng, đặc biệt cách tiếp cận thị trường, biết hoạch toán kinh doanh.

- Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác lâm nghiệp cho: Kiểm lâm địa bàn, lãnh đạo xã, Bí thư chi bộ, trưởng các thôn bản; Trung đội Dân quân và nông dân trồng rừng, phát triển kinh tế từ trồng rừng.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Đề án này các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội nghiên cứu, quán triệt, triển khai tới toàn thể cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân để tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức và hành động. Đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án phù hợp với nhiệm vụ của địa phương, đơn vị mình.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Đề án và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án. Thường xuyên đôn đốc các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Định kỳ hằng năm báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án với Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Giao Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chủ trì phối hợp với các Ban đảng Huyện ủy tham mưu cho Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Huyện ủy kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án của các chi, đảng bộ.

4. Giao Văn phòng Huyện ủy chủ trì phối hợp với các Ban đảng Huyện ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy Hà Giang,
- Các đồng chí thành viên phụ trách huyện (theo QĐ số 198-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy),
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND - UBND huyện,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ huyện,
- Các Ban Xây dựng Đảng Huyện ủy,
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Vũ Mạnh Hà